

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 21 - 7 - 2022.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nghi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạm

2. Bà Lê Thị Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam (Gọi tắt là Ngân hàng A).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam.

Địa chỉ: Số 18 THD, khu đô thị mới MĐ, phường MĐ, quận TL, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam – Chi nhánh huyện KH, tỉnh Kiên Giang (NH A – CN huyện KH).

(Theo Quyết định v/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc A)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh C – Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam – Chi nhánh huyện KH.

(Văn bản ủy quyền số 92/QĐ-NHNN.KH ngày 27/01/2022).

Địa chỉ: ấp 1, xã HT, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn*: Ông Trương Hoàng H, sinh năm 1975 và bà Bành Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: số 74/8 NTH, phường VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 08/3/2022 nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam (Ngân hàng A) trình bày:

Tại Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam – Chi nhánh huyện KH, ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H có ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201700504 ngày 24/10/2017, vay số tiền 9.000.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm, lãi suất 3,4%/năm; mục đích sử dụng vốn vay là tiền cơ khí, trả tiền lắp keo, trả tiền mua ngư lưới cụ.

- Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800750 ngày 09/11/2018, vay số tiền 1.780.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 3,7%/năm; mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung chuyển biến.

- Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-2019000499 ngày 24/7/2018, vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 3,4%/năm; mục đích sử dụng vốn vay là bù đắp tài sản phục vụ mục đích gia đình.

Để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán ông Hữu, bà Hiếu có ký 05 hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201700456 ngày 23/10/2017 để thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301052858, thửa số 157, tờ bản đồ số 01, diện tích 77,84 m² được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố RG chỉnh lý biến động ngày 24/6/2014 đứng tên ông Trương Hoàng H, vị trí thửa đất tọa lạc số 74/8 NTH, khu phố 2, phường VB, thành phố RG, Kiên Giang.

- Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201700457 ngày 23/10/2017 để thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 648890, không thửa số, không tờ bản đồ, diện tích 84.29 m² được UBND thành phố RG cấp ngày 12/02/2015 đứng tên bà

Bà H, vị trí thửa đất tọa lạc Lô A02 VTT, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201700458 ngày 23/10/2017 để thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 478465, thửa số 203, tờ bản đồ số 76, diện tích 92,96 m² được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chính lý biến động ngày 04/10/2011 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố RG chính lý biến động ngày 27/12/2014 đứng tên ông Trương Hoàng H.

- Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201800459 ngày 23/10/2017 để thế chấp cho ngân hàng 03 tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá lần lượt là KG-92620-TS; KG-94635-TS; KG-95052-TS được Chi cục thủy sản thuộc Sở NN&PTNN tỉnh Kiên Giang cấp lần lượt ngày 09/6/2014, ngày 05/5/2015, ngày 06/6/2016 đều đứng tên ông Trương Hoàng H.

- Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201800420 ngày 24/7/2018 để thế chấp cho ngân hàng 01 tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số KG-90444-TS được Chi cục thủy sản thuộc Sở NN&PTNN tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/7/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Trương Hoàng H, bà Bà H đã trả cho ngân hàng được 900.000.000 đồng nợ gốc, sau đó thì ngưng không tiếp tục thanh toán. Vì vậy sau nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng không có kết quả ngân hàng A đã khởi kiện ông H, bà H đến Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải yêu cầu giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trương Hoàng H, bà Bà H phải thanh toán ngay số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 13.937.502.959 đồng (Trong đó gốc là 11.380.000.000 đồng, lãi là 2.557.502.959 đồng).

Đồng thời đề nghị tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp mà ông H, bà H đã ký với Ngân hàng để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, bị đơn ông H, bà H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và Tòa án đã hoãn phiên tòa xét xử vụ án một lần vì lý do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng và Ngân hàng với bị đơn ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H có thỏa thuận bằng văn bản khi tranh chấp sẽ giải quyết tại Tòa án nơi nguyên đơn có trụ sở, đồng thời nguyên đơn cũng lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải nơi ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu bị đơn ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H thanh toán số tiền nợ vay là 13.937.502.959 đồng (Trong đó gốc là 11.380.000.000 đồng, lãi là 2.557.502.959 đồng) là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H có ký 03 hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201700504 ngày 24/10/2017, vay số tiền 9.000.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm, lãi suất 3,4%/năm; mục đích sử dụng vốn vay là tiền cơ khí, trả tiền lắp keo, trả tiền mua ngư lưới cụ; Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800750 ngày 09/11/2018, vay số tiền 1.780.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 3,7%/năm; mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung chuyên biến và Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-2019000499 ngày 24/7/2018, vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 3,4%/năm; mục đích sử dụng vốn vay là bù đắp tài sản phục vụ mục đích gia đình.

Để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho các hợp đồng tín dụng trên ông H, bà H có ký hợp đồng thế chấp 05 hợp đồng thế chấp gồm: Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201700456 ngày 23/10/2017 để thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301052858, thửa số 157, tờ bản đồ số 01, diện tích 77,84 m² được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố RG chỉnh lý biến động ngày 24/6/2014 đứng tên ông Trương Hoàng H, vị trí thửa đất tọa lạc số 74/8 NTH, khu phố 2, phường VB, thành phố RG, Kiên Giang; Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201700457 ngày 23/10/2017 để thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 648890, không thửa số, không tờ bản đồ, diện tích 84.29 m² được UBND thành phố RG cấp ngày 12/02/2015 đứng tên bà Bành Thị H, vị trí thửa đất tọa lạc Lô A02 VTT, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201700458 ngày 23/10/2017 để thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 478465, thửa số 203, tờ bản đồ số 76, diện tích 92,96 m² được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố RG chỉnh lý biến động ngày 27/12/2014 đứng tên ông Trương Hoàng H; Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201800459 ngày 23/10/2017 để thế chấp cho ngân hàng 03 tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá lần lượt là KG-92620-TS; KG-94635-TS; KG-95052-TS được Chi cục thủy sản thuộc Sở NN&PTNN tỉnh Kiên Giang cấp lần lượt ngày 09/6/2014, ngày 05/5/2015, ngày 06/6/2016 đều đứng tên ông Trương Hoàng Hữu và Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201800420 ngày 24/7/2018 để thế chấp cho ngân hàng 01 tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số KG-90444-TS được Chi cục thủy sản thuộc Sở NN&PTNN tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/7/2018.

Trong các Hợp đồng tín dụng thì các bên thống nhất trả gốc 01 năm/01 lần, trả lãi 03 tháng 01 lần vào ngày 30 hàng tháng nhưng đến nay ông Hữu, bà Hiếu chưa trả đủ tiền gốc, lãi cho Ngân hàng theo thời hạn nêu trên là vi phạm hợp đồng nên ông H, bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ vay gốc, lãi còn lại cho nguyên đơn Ngân hàng A.

Mặt khác, theo Điều 463 Bộ luật dân sự quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Khoản 1, khoản 5 Điều 466 quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...”

“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Như vậy, có đủ căn cứ để buộc bị đơn ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam số tiền nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 13.937.502.959 đồng (Trong đó gốc là 11.380.000.000 đồng, lãi là 2.557.502.959 đồng).

[3] Xét các hợp đồng thế chấp tài sản gồm hợp đồng số 7708LCL201700456 ngày 23/10/2017; Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201700457 ngày 23/10/2017; Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201700458 ngày 23/10/2017; Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201800459 ngày 23/10/2017; Hợp đồng thế chấp số 7708LCL201800420 ngày 24/7/2018 giữa Ngân hàng A với ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H được ký kết là đúng thủ tục theo quy định nên căn cứ Điều 319 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng thế chấp đã phát sinh hiệu lực. Ông H, bà H đã dùng 04 tàu cá có số đăng ký lần lượt là: số hiệu KG-92620-TS; số hiệu KG-94635-TS; số hiệu KG-95052-TS; tàu cá số hiệu KG-90444-TS và 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, diện tích nhà ở, đất ở số 5301052858; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 648890; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 478465 đều do ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H đứng tên để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Nay ông H, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng nên căn cứ Điều 299, Điều 323 Bộ luật dân sự cần tiếp tục duy trì các Hợp đồng thế chấp này để đảm bảo quá trình thi hành án cho nguyên đơn Ngân hàng A.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 299, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-

HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam.

- Buộc bị đơn ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/7/2022 là 13.937.502.959 đồng (*Mười ba tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu năm trăm linh hai nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*), trong đó gốc là 11.380.000.000 đồng, lãi là 2.557.502.959 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/7/2022 ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

- Khi ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H trả hết nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam phải có nghĩa vụ trả lại cho ông H, bà H 04 Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá lần lượt là: KG-92620-TS; KG-94635-TS; KG-95052-TS; KG-90444-TS và 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, diện tích nhà ở, đất ở số 5301052858; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 648890; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 478465 đứng tên ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H.

- Trường hợp ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H không trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là 04 tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá lần lượt là KG-92620-TS; KG-94635-TS; KG-95052-TS, KG-90444-TS

được Chi cục thủy sản thuộc Sở NN&PTNN tỉnh Kiên Giang cấp lần lượt ngày 09/6/2014, ngày 05/5/2015, ngày 06/6/2016, ngày 20/7/2018 đều đứng tên ông Trương Hoàng H và 03 quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301052858, thửa số 157, tờ bản đồ số 01, diện tích 77,84 m² được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố RG chỉnh lý biến động ngày 24/6/2014 đứng tên ông Trương Hoàng H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 648890, không thửa số, không tờ bản đồ, diện tích 84.29 m² được UBND thành phố RG cấp ngày 12/02/2015 đứng tên bà Bành Thị H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 478465, thửa số 203, tờ bản đồ số 76, diện tích 92,96 m² được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố RG chỉnh lý biến động ngày 27/12/2014 đứng tên ông Trương Hoàng H sẽ được tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông Trương Hoàng H, bà Bành Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 121.937.503 đồng (*Một trăm hai mươi một triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm lẻ ba đồng*).

- Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 60.805.000 đồng (*Sáu mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006958 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Nghi